

Thực hành : Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp

I. Dựa vào bảng 39.1

Bảng 39.1. Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo nhóm ngành

(Đơn vị : %)

Nhóm ngành	Năm				
	1996	1999	2000	2004	2005
Toàn ngành công nghiệp	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Công nghiệp khai thác	13,9	14,7	15,8	12,8	11,2
Công nghiệp chế biến	79,9	79,6	78,7	81,3	83,2
Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước	6,2	5,7	5,5	5,9	5,6

Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo nhóm ngành của nước ta. Nhận xét và giải thích sự chuyển dịch này.

2. Dựa vào các bảng 39.2 và 39.3.

Bảng 39.2. Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế (giá thực tế)

(Đơn vị : tỉ đồng)

Thành phần kinh tế	Năm	
	1996	2005
Nhà nước	74 161	249 085
Ngoài Nhà nước (tập thể, tư nhân, cá thể)	35 682	308 854
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	39 589	433 110

Bảng 39.3. Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo vùng lãnh thổ
(Đơn vị : %)

Vùng	Năm	1996	2005
Đồng bằng sông Hồng		17,1	19,7
Trung du và miền núi Bắc Bộ		6,9	4,6
Bắc Trung Bộ		3,2	2,4
Duyên hải Nam Trung Bộ		5,3	4,7
Tây Nguyên		1,3	0,7
Đông Nam Bộ		49,6	55,6
Đồng bằng sông Cửu Long		11,2	8,8
Không xác định		5,4	3,5

Nhận xét về cơ cấu và sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế và theo vùng của nước ta.

